

Lưu ý:

- Ghi đầy đủ các mục, giữ phiếu phẳng.
- Bôi đen đáp án tương ứng với số câu trong đề.
- Bài kiểm tra được chấm bằng máy, học sinh tô đậm, vừa khít với ô tròn giới hạn. TUYỆT ĐỐI không được sửa chữa đáp án.

ĐIỂM

GIÁM KHẢO

(Ghi rõ tên)

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Họ và tên:.....

Ngày sinh:.....Lớp:.....

Phòng thi:.....Số thứ tự:.....

MÃ 001

SỐ BÁO DANH

--	--	--	--	--	--

MÃ ĐỀ

--	--	--

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

TỔ KÍN SỐ BÁO DANH VÀ MÃ ĐỀ

A B C D

1 (A) (B) (C) (D)

2 (A) (B) (C) (D)

3 (A) (B) (C) (D)

4 (A) (B) (C) (D)

5 (A) (B) (C) (D)

6 (A) (B) (C) (D)

7 (A) (B) (C) (D)

8 (A) (B) (C) (D)

9 (A) (B) (C) (D)

10 (A) (B) (C) (D)

A B C D

11 (A) (B) (C) (D)

12 (A) (B) (C) (D)

13 (A) (B) (C) (D)

14 (A) (B) (C) (D)

15 (A) (B) (C) (D)

16 (A) (B) (C) (D)

17 (A) (B) (C) (D)

18 (A) (B) (C) (D)

19 (A) (B) (C) (D)

20 (A) (B) (C) (D)

Giám thị coi thi
(Ghi rõ tên)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đông Nam Á biển đảo nằm trong các đới khí hậu nào sau đây?

- A. Nhiệt đới gió mùa và cận xích đạo.
- B. Cận xích đạo và xích đạo.
- C. Nhiệt đới, cận xích đạo và xích đạo.
- D. Cận nhiệt, nhiệt đới và cận xích đạo.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây không đúng với khu vực Đông Nam Á biển đảo?

- A. Có nhiều đồng bằng lớn, đất phù sa được phủ tro, bụi của núi lửa.
- B. Bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- C. Nằm trong vùng có động đất núi lửa hoạt động mạnh.
- D. Quần đảo thuộc loại lớn nhất thế giới.

Câu 3. Sự phát triển của các ngành công nghiệp nào sau đây quyết định việc Trung Quốc chế tạo thành công tàu vũ trụ?

- A. Điện, luyện kim, cơ khí.
- B. Điện tử, cơ khí chính xác, máy tự động.
- C. Điện tử, luyện kim, cơ khí chính xác.
- D. Điện, chế tạo máy, cơ khí.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây không đúng với Đông Nam Á lục địa?

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh.
- B. Nhiều quần đảo, đảo và núi lửa.
- C. Có các đồng bằng phù sa.
- D. Có một số sông lớn nhiều nước.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm tự nhiên Đông Nam Á lục địa?

- A. Các đồng bằng phù sa màu mỡ.
- B. Địa hình đồi núi chia cắt mạnh.
- C. Nhiều quần đảo, đảo và núi lửa.
- D. Có khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Câu 6. Đông Nam Á chịu ảnh hưởng nhiều của động đất là do

- A. liên kề với vành đai lửa Thái Bình Dương.
- B. nơi giao thoa giữa các vành đai sinh khoáng.
- C. nằm trong đới khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- D. nằm ở nơi gặp gỡ giữa các luồng sinh vật.

Câu 7. Các quốc gia nào sau đây không thuộc Đông Nam Á biển đảo?

- A. Thái Lan, Đông-Ti-mo.
- B. Cam-pu-chia, Việt Nam.
- C. Xing-ga-po, Cam-pu-chia.
- D. Bru-nây, Phi-lip-pin.

Câu 8. Miền Tây Trung Quốc có kiểu khí hậu chủ yếu nào sau đây?

- A. Khí hậu ôn đới lục địa.
- B. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa.
- C. Khí hậu ôn đới gió mùa.
- D. Khí hậu ôn đới hải dương.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây không đúng với tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo?

- A. Nhiều đồi núi, có núi lửa hoạt động.
- B. Dầu mỏ và khí đốt có trữ lượng lớn.
- C. Đồng bằng rộng lớn, đất cát pha là chủ yếu.
- D. Khí hậu nóng ẩm và có gió mùa hoạt động.

Câu 10. Dân cư Trung Quốc tập trung đông nhất ở vùng

- A. phía Tây Bắc và vùng trung tâm.
- B. ven biển và vùng đồi núi phía Tây.
- C. ven biển và thượng lưu các con sông.
- D. ven biển và hạ lưu các con sông.

Câu 11. Vùng trồng lúa gạo của Trung Quốc tập trung ở khu vực có khí hậu nào dưới đây?

- A. Cận nhiệt lục địa và nhiệt đới gió mùa.
- B. Ôn đới gió mùa và cận nhiệt gió mùa.
- C. Cận nhiệt gió mùa và nhiệt đới gió mùa.
- D. Cận nhiệt gió mùa và cận nhiệt lục địa.

Câu 12. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc giảm mạnh?

- A. Tỉ lệ xuất cư cao.
- B. Áp dụng triệt để chính sách dân số.
- C. Tốc độ già hóa dân số rất nhanh.
- D. Tỉ lệ kết hôn thấp.

Câu 13. Đảo lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á và lớn thứ ba trên thế giới là

- A. Gia-va.
- B. Lu-xôn.
- C. Xu-ma-tra.
- D. Ca-li-man-tan.

Câu 14. Ý nào sau đây không đúng về vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á?

- A. Nằm hoàn toàn trong khu vực nhiệt đới gió mùa thuộc bán cầu Bắc.
- B. Nằm gần hai quốc gia có nền văn minh lớn là Ấn Độ và Trung Quốc.
- C. Nằm ở phía Đông Nam lục địa Á - Âu, nơi tiếp giáp giữa hai đại dương.
- D. Nằm trong đới khí hậu gió mùa nhiệt đới và khí hậu xích đạo.

Câu 15. Các đồng bằng ở miền Đông Trung Quốc theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là

- A. Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.
- B. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung.
- C. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.
- D. Đông Bắc, Hoa Nam, Hoa Bắc, Hoa Trung.

Câu 16. Đồng bằng nào sau đây của Trung Quốc thường chịu nhiều thiên tai lụt lội nhất?

- A. Hoa Trung.
- B. Hoa Nam.
- C. Hoa Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 17. Đông Nam Á có truyền thống văn hóa phong phú đa dạng là do

- A. có dân số đông, nhiều quốc gia.
- B. là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn.
- C. nằm tiếp giáp giữa các đại dương lớn.
- D. vị trí cầu nối giữa lục địa Á - Âu và lục địa Ô-xtray-li-a.

Câu 18. Đặc điểm chung của khí hậu khu vực Đông Nam Á là

- A. nóng, ẩm.
- B. phân mùa.
- C. khô, nóng.
- D. lạnh, ẩm.

Câu 19. Vùng nông nghiệp trù phú của Trung Quốc là

- A. vùng trung tâm rộng lớn.
- B. vùng sơ nguyên Tây Tạng.
- C. dọc theo “con đường tơ lụa”.
- D. các đồng bằng châu thổ sông.

Câu 20. Phần phía đông Trung Quốc tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương.
- B. Đại Tây Dương.
- C. Thái Bình Dương.
- D. Ấn Độ Dương.

II. TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm): Trình bày đặc điểm vị trí địa lý, lãnh thổ và đặc điểm tự nhiên của Trung Quốc.

Câu 2 (3 điểm): Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
GIAI ĐOẠN 2000 - 2016**

Năm	2000	2005	2010	2016
Diện tích (triệu ha)	3 945,8	3 826,3	3 945,9	4 241,1
Sản lượng (triệu tấn)	16 702,7	19 298,5	23 831,0	23 831,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

a. Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện diện tích và sản lượng lúa cả năm của Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000-2016.

b. Nhận xét sự thay đổi diện tích và sản lượng lúa cả năm của Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2000-2016.

-----HẾT-----